

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/KDTM-ST

Ngày: 01 - 8 - 2024.

V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Quỳnh Châu.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trường;

Bà Võ Thị Kim Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Việt Tuấn - Thư ký Tòa án nhân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Khánh Linh.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 25/2024/TLST-KDTM ngày 30 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa", Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐST-KDTM ngày 17 tháng 7 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần B; trụ sở đóng tại: số A hẻm A đường L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị H - Giám đốc. Có mặt.

Bị đơn: Công ty cổ phần T Sáng nay đổi thành Công ty cổ phần Đ; trụ sở đóng tại: Số C đường P, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Nguyên H1 - Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty cổ phần B trình bày:

Ngày 18 tháng 03 năm 2021, Công ty Cổ phần B (Bên B) và Công Ty Cổ phần T Sáng nay đổi thành Công ty Cổ phần Đ (Bên A) đã ký kết hợp đồng kinh tế số 18.03/2021/HĐKT/ĐS-AD về việc bên B cung cấp bê tông thương phẩm cho bên A. Căn cứ vào hợp đồng đã được hai bên ký kết nêu trên, Công ty cổ phần B đã hoàn

thành việc cung cấp bê tông thương phẩm theo đúng hợp đồng, đảm bảo chất lượng, tiến độ yêu cầu của Công Ty Cổ phần T Sáng nay đổi thành Công ty Cổ phần Đ. Sau khi thực hiện hợp đồng, đại diện hai bên đã tiến hành ký Biên bản đối chiếu công nợ ngày 09 tháng 02 năm 2023. Theo Biên bản đối chiếu công nợ thì Công Ty Cổ phần T Sáng nay đổi thành Công ty Cổ phần Đ còn nợ Công ty cổ phần B1 tiền: 563.050.000 đồng.

Mặc dù, Công ty cổ phần B đã nhiều lần liên hệ yêu cầu Công Ty Cổ phần T1 trả nợ nhưng vẫn không được phía Công Ty Cổ phần T1 giải quyết trả nợ cho Công ty Cổ phần B.

Vì vậy, Công ty Cổ phần B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công Ty Cổ phần T Sáng nay đổi thành Công ty Cổ phần Đ thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty cổ phần B1 tiền là: 563.050.000 đồng (Năm trăm sáu mươi ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Lãi chậm trả: $563.050.000 \text{ đồng} \times 10\% \text{ năm} \times 455 \text{ ngày (từ ngày 15/2/2023 đến 15/5/2024)} = 70.188.000 \text{ đồng}.$

Tổng cộng: 633.238.000 đồng (Sáu trăm ba mươi ba triệu hai trăm ba mươi tám nghìn nghìn đồng).

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến làm việc, cũng như không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của kiểm sát viên: Về việc tuân theo pháp luật của *Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử* đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần B, buộc bị đơn Công Ty Cổ phần T Sáng nay đổi thành Công ty Cổ phần Đ trả cho Công ty Cổ phần B1 tiền 633.238.000 đồng.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy **định**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào **các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:* Công ty Cổ phần B (Công ty B) khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công Ty cổ phần T sáng nay đổi thành Công ty Cổ phần Đ (Công ty T sáng nay là công ty Đ) phải trả số tiền nợ theo hợp đồng là 633.238.000 đồng. Công ty B và Công ty T Sáng nay là Công ty Đ đều có đăng ký kinh doanh, tham gia giao dịch đều có mục đích lợi nhuận, nên căn cứ khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng mua

bán hàng hóa”. Nơi thực hiện hợp đồng và địa chỉ của Công ty T Sáng nay là Công ty Đ tại thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị theo quy định theo điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, phía bị đơn Công ty T Sáng nay là Công ty Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét Hợp đồng kinh tế số 18.03/2021/HĐKT/ĐS-AD ngày 18/3/2021 về việc Công ty B mua bán bê tông thương phẩm cho Công ty T1, các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy, hợp đồng trên là hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về yêu cầu thanh toán tiền nợ theo hợp đồng 563.050.000 đồng:

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế số 18.03/2021/HĐKT/ĐS-AD ngày 18/3/2021 hai bên ký kết về việc Công ty T1 đồng ý mua và Công ty A bán bê tông trộn sẵn theo đơn đặt hàng của Công ty T1. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty B đã thực hiện đúng theo nội dung thỏa thuận, cụ thể: Trong thời gian từ ngày 27/12/2022 đến ngày 16/01/2023 Công ty B đã cung cấp cho Công ty T1 545,5m³ bê tông thương phẩm gồm M250 đá 2x4, M150 đá 2x4, M200 đá 1x2, thành tiền là 559.615.000 đồng, cộng với số dư nợ đầu kỳ 153.435.000 đồng, tổng cộng 713.050.546 đồng.

Ngày 27/12/2022 và ngày 11/01/2023, Công ty T1 đã thanh toán tổng số tiền 150.000.000 đồng cho Công ty B (bằng hình thức chuyển khoản). Ngày 09/02/2023, đại diện hai bên đã tiến hành ký kết Biên bản đối chiếu công nợ. Theo Biên bản đối chiếu công nợ thì Công ty T1 còn nợ Công ty B1 tiền: 563.050.000 đồng. Đến nay, Công ty T1 chưa thanh toán số tiền nợ còn lại cho Công ty B là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Điều 4 Hợp đồng kinh tế số 18.03/2021/HĐKT/ĐS-AD ngày 18/3/2021: Hai bên làm biên bản đối chiếu công nợ và thanh toán chậm nhất 05 ngày sau khi nhận hồ sơ thanh toán theo Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại năm 2005. Do đó, nguyên đơn Công ty B khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty T Sáng nay là Công ty Đ phải thanh toán số tiền còn nợ 563.050.000 đồng (Năm trăm sáu mươi ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm trả:

Nguyên đơn Công ty B yêu cầu tính lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền chậm trả 563.050.000 đồng từ ngày 15/2/2023, tức sau 05

ngày kể từ ngày lập biên bản đòi chiếu công nợ cho đến ngày 15/5/2024 (15 tháng) là có căn cứ theo mức lãi quá hạn trung bình trên thị trường quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005. Tham khảo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 ngân hàng (Ngân hàng thương mại cổ phần C, Ngân hàng N, Ngân hàng thương mại cổ phần N1) Chi nhánh tỉnh Q tại thời điểm xét xử có mức lãi suất nợ quá hạn trung bình là 14,25%/năm, tương đương 1,187%/tháng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi $563.050.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 15 \text{ tháng} = 70.188.000 \text{ đồng}$ (Bảy mươi triệu một trăm tám mươi tám nghìn đồng) là có cơ sở chấp nhận.

Tổng cộng cả gốc và lãi là: $563.050.000 \text{ đồng} + 70.188.000 \text{ đồng} = 633.238.000 \text{ đồng}$ (Sáu trăm ba mươi ba triệu hai trăm ba mươi tám nghìn nghìn đồng).

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là $\{20.000.000 \text{ đồng} + [(633.238.000 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng}) \times 4\%]\} = 29.329.000 \text{ đồng}$ (Hai mươi chín triệu ba trăm hai mươi chín nghìn đồng).

Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Các Điều 24, 50, 55 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần B, buộc Công Ty Cổ phần T Sáng nay đổi thành Công ty Cổ phần Đ có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần B1 tiền 633.238.000 đồng (Sáu trăm ba mươi ba triệu hai trăm ba mươi tám nghìn nghìn đồng). Trong đó: Tiền gốc 563.050.000 đồng (Năm trăm sáu mươi ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) và tiền lãi 70.188.000 đồng (Bảy mươi triệu một trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc Công ty Cổ phần T Sáng nay đổi thành Công ty Cổ phần Đ phải chịu 29.329.000 đồng (Hai mươi chín triệu ba trăm hai mươi chín nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Trả lại cho Công ty Cổ phần B1 tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.664.760 (Mười bốn triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn bảy trăm sáu mươi đồng) theo Biên lai thu số 0000342 ngày 29/5/2024 của Chi cục thi hành án dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

3. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND thành phố Đông Hà;
- Dương sự;
- Chi cục THADS thành phố Đông Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - CHỦ TỌA phiên toà

Đoàn Thị Quỳnh Châu